

ƯỚC LỆ THẨM MỸ DÂN TỘC TRONG NGÔN NGỮ TẠO HÌNH VẼ MẶT TUỒNG HUẾ

NGUYỄN THANH HẢI

Email: thanhhaimtud@gmail.com

Trường Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế

CONDITIONING NATIONAL AESTHETICS IN THE FACE PAINTING LANGUAGE OF HUE TUONG

TÓM TẮT

Nghệ thuật Tuồng Huế mang giá trị tổng hợp, có các yếu tố của nghệ thuật tạo hình, nghệ thuật ứng dụng, nghệ thuật biểu hiện và gắn bó chặt chẽ với hình thức tượng trưng. Tuồng Huế tuân thủ những tính chất tượng trưng như: ước lệ, cách điệu, hình thức hóa. Màu sắc, đường nét trong nghệ thuật hóa trang vẽ mặt tạo được sự phong phú và thống nhất, mô tả sinh động tính cách nhân vật với những giá trị bộc lộ ra bên ngoài và biểu cảm nội tâm, cảm xúc thẩm

Những giá trị tinh hoa trong đời sống văn hóa tinh thần, sắc thái và phong vị của vùng đất Huế đã được vận dụng tinh tế vào nghệ thuật hóa trang vẽ mặt Tuồng Huế đã để lại những bài học quý báu về tạo hình và mang giá trị lớn lao về tính nhân văn, tính triết lý cuộc sống, khẳng định các giá trị mẫu mực của nghệ thuật truyền thống Huế, của văn hóa nghệ thuật Huế.

Từ khóa: Hóa trang, tượng trưng, ước lệ, vẽ mặt



ABSTRACT

The Hue Tuong art has a combined value, with elements of visual arts, applied art, expression arts and closely linked with the symbolic form. Hue Tuong adheres to the symbolic properties such as conditioning, stylization, and formalization. Colors and strokes in the art of face-painting make-up create richness and unity, vividly depicting character's personality with outwardly revealed values and inner expressions, emotional feelings.

The quintessential values in the cultural, spiritual life, nuances and tastes of the Hue land have been subtly applied to the art of making up the face of Hue Tuong, leaving valuable lessons about shaping and bringing great values of humanity, philosophy of life, affirming the exemplary values of Hue traditional art, of Hue art culture.

Keywords: Costume, symbolism, conditioning, face painting

1. Khái quát về lịch sử phát triển

Tuồng Huế là loại hình nghệ thuật nằm trong “Khu vườn nghệ thuật đặc sắc của nghệ thuật sân khấu Việt Nam” có nguồn gốc biểu hiện của nghệ thuật sân khấu phương Đông. Nghệ thuật sân khấu của Việt Nam đã xuất hiện từ rất sớm trong lịch sử dân tộc, hình thức sơ khai của nghệ thuật này là “trò nhại” tức là những người có năng khiếu nhại lại các động tác, điệu bộ, ngôn ngữ, hành vi để mua vui cho một số người. Thời nhà Đinh hình thức này phát triển rộng rãi, có thể coi đây là thời điểm hình thành nghệ thuật sân khấu Việt Nam.

Nghệ thuật Tuồng đã thai nghén trong dòng chảy của nghệ thuật sân khấu dân tộc trong một thời gian dài

với bao nhọc nhằn, vất vả.

Có nhiều giả thuyết về sự hình thành Tuồng ở Huế. Giáo sư Hoàng Châu Ký trong Sơ khảo lịch sử nghệ thuật Tuồng cho rằng sự hình thành và phát triển nghệ thuật Tuồng là vào thế kỷ XVI ở vùng đất Thanh Hóa và sự hình thành Tuồng Huế là từ thế kỷ XVI trở về sau.

Nói đến lịch sử của Tuồng không thể không nói đến vai trò của danh sĩ Đào Duy Từ¹, người có công lao mang nghệ thuật Tuồng từ Thanh Hóa và Bình Định rồi từ Bình Định đưa ra Huế để liên kết với những nghệ sĩ tài ba của vùng này tạo nên những hình thức múa hát Cung đình và tất nhiên là cả nghệ thuật Tuồng

ARTS

Nghệ thuật Tuồng ở Phú Xuân thời các chúa Nguyễn đã phát triển rộng rãi và đi vào quy cách, bài bản, sân khấu lúc bấy giờ chỉ là sân khấu trống bốn mặt, bày trí đơn giản, có tính ước lệ, tượng trưng.



Các vai diễn trong một tuồng hát Cung đình
(Ảnh tư liệu trong các tạp chí nghiên cứu Tuồng Huế)



Nhà hát Minh Khiêm Đường
(Ảnh tư liệu trong các tạp chí nghiên cứu Tuồng Huế)

Triều đại các vua nhà Nguyễn trị vì 143 năm với nhiều biến cố của lịch sử, nghệ thuật Tuồng cũng có những bước thăng trầm. Thời Gia Long (1802-1820) do mới giành được Phú Xuân và lo củng cố chế độ nên nghệ thuật Tuồng chưa được chú ý, đến thời Minh Mạng (1820-1840) Tuồng đã được chú ý hơn. Thanh Bình Tự (tên gọi cũ là Trường Xuân) là trường đào tạo diễn viên tuồng quy mô đầu tiên được xây dựng năm 1823. Nhà hát Duyệt Thị Đường, sân khấu hoàng cung đầu tiên được xây dựng năm 1826, đặc biệt thời Minh Mạng đội ngũ diễn viên được đào tạo đông đủ, những kịch bản tuồng được biên soạn thành văn bản hoàn chỉnh. Đến thời Tự Đức (1847-1883) nghệ thuật Tuồng phát triển rực rỡ nhất, Vua Tự Đức đã thành lập Ban hiệu thư, một tổ chức chuyên sáng tác, nhuận sắc, chỉnh lý và hiệu đính tuồng dưới sự điều hành của mình, đặc biệt vua Tự Đức đã cho xây dựng Minh Khiêm Đường (1864) tại Khiêm cung (trong Khiêm Lăng) để biểu diễn nghệ thuật Tuồng, đây là nhà hát duy nhất được xây dựng trong lăng tâm của nhà vua. Giai đoạn này phải kể đến danh sĩ Đào Tấn² với nhiều sáng tác có giá trị về tư tưởng và nhân văn. Các loại tuồng như tuồng đồ, tuồng pho,

tuồng ngự phát triển, có những vở tuồng dài hơn trăm hồi, mỗi hồi diễn mất một đêm như: Quân phương hiển thọ, Vạn bửu trình tường...

Hiện tại Nghệ thuật Tuồng Huế đang được bảo tồn và phát huy các giá trị. Các đoàn tuồng tiêu biểu ở Huế phải nói đến Nhà hát Nghệ thuật Truyền thống Huế (được sát nhập giữa Đoàn nghệ thuật truyền thống Huế và đoàn nghệ thuật múa hát Cung đình- thuộc sự quản lý của Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế).

Trong công cuộc đổi mới, các giá trị văn hóa truyền thống được bảo tồn và phát huy theo tinh thần nghị quyết TƯ 5 của Đảng, trong đó Tuồng Huế và Múa hát Cung đình Huế được nhà nước và lãnh đạo Tỉnh Thừa Thiên Huế quan tâm, tuồng Huế được khởi sắc và trở về với vẻ đẹp vốn có của nó, chứng minh và khẳng định sức sống tiềm tàng mạnh mẽ của một loại hình nghệ thuật bác học độc đáo, trường tồn với thời gian³: “Thời gian đã chứng minh tầm vóc của một di sản văn hóa. Thời gian cũng chứng minh khả năng giữ gìn di sản của con người, thời gian ủng hộ con người, không phải là sự tàn phá ngu quên, thời gian đang giúp chúng ta làm sống lại vẻ đẹp quá khứ...” (Nguyễn Khoa Điềm).

2. Những quy định truyền thống về tạo hình và thẩm mỹ

Có thể nói nghệ thuật Tuồng Huế mang giá trị tổng hợp, có các yếu tố của nghệ thuật tạo hình, nghệ thuật ứng dụng, nghệ thuật biểu hiện và gắn bó chặt chẽ với hình thức tượng trưng (symbol). Tượng trưng là kiểu nhận thức thiên về khái quát cho nên nghệ thuật Tuồng tuân thủ những tính chất tượng trưng như: ước lệ, cách điệu, hình thức hóa.

Cụ thể cách vẽ mặt trong Tuồng Huế truyền thống tuân thủ những quy định ước lệ như: Màu sắc: gồm 3 màu chính: đỏ, vàng, đen. Từ 3 màu này pha ra các màu khác

Cách vẽ theo quy ước: cũng gồm 3 phần chính: Vẽ màu da, vẽ các đường nét và mang râu

Màu sắc trên mặt thể hiện bằng các mảng màu và đường nét cách điệu, căn cứ vào các yếu tố Nhân tướng học và các yếu tố khác như: khí chất, tuổi tác, tính cách, địa vị mà thể hiện theo sự liên tưởng sắc thái tâm lý nhân vật theo những quy ước dân gian mang tính ước lệ, tượng trưng:

*“Người trung mặt đỏ đôi tròng bạc.
Đứa nịnh râu đen mấy sợi còi”
(Phan Văn Trị)*

Ví dụ: da mặt đỏ chỉ những người nóng tính nhưng khẳng khái, trung can nghĩa khí, da mặt đen chỉ người

ARTS

chất phác, da mặt mộc chỉ kẻ nịnh nốt, da mặt xám ý chỉ người sống ở vùng rừng núi, màu vỏ cua chỉ người sống vùng biển...



Quan Công



Bạt Hồ



Tạ Ngọc Lân



Khương Linh Tá

Cùng với màu da kết hợp cách kẻ các đường nét để khắc họa tính cách, các đường nét tập chung chủ yếu và quan trọng nhất là ở vùng mắt (tròng mắt, hồ mắt), mũi và lông mày, trong đó quan trọng nhất là vùng mắt, tất cả cũng theo quy ước mang tính ước lệ, ví dụ người trẻ tuổi thì tròng mắt hình quả trứng, người càng già thì tròng mắt càng lan xuống gò má.

Tròng mắt xéch ngược lên tượng trưng người có sức mạnh phi thường, vùng mắt vẽ hình chim bay (đầu chim ở khước mắt, giáp sống mũi, cánh chim phủ lông mày và tai) chỉ những người có tài năng đặc biệt.

Cùng với da mặt, các yếu tố tín hiệu thị giác kết hợp cùng góp phần tạo nên tính cách nhân vật. Ví dụ: các điểm trắng: kẻ tráo trở, phản trắc, đường nét rần rì: tướng cướp, đường cong queo: kẻ ngang ngược, đường nét sặc sỡ, điểm thêm da mặt xanh: yêu tinh đội lột người, hình trăng lưỡi liềm, vòng nguyệt quế trên trán: người tinh anh, trí dũng, trí đức song toàn...

Có một điểm chung cho các nhân vật được vẽ mặt là khuôn mặt được bôi màu và vẽ họa tiết, còn vùng sát mắt để tự nhiên: điều này có hai cách giải thích: Cách thứ nhất cho rằng ngày xưa phải đeo mặt nạ diễn diễn viên phải khoét hai lỗ để nhìn.

Cách thứ hai lại cho rằng trong nghệ thuật Tuồng, con mắt của người diễn viên cũng phải tham gia diễn xuất nên phải chữa tròng để thấy được tinh thần của đôi mắt- cách hiểu như thế này hợp lý hơn, và đây cũng là điểm thú vị khác với hình thức kịch Nô của Nhật Bản là diễn viên đeo mặt nạ gỗ để diễn xuất



Biểu diễn Kịch Nô tại sân khấu điện Thái Hòa - Huế (ảnh của tác giả)



Nghệ sĩ Kịch Nô (Nhật Bản)

Một điểm nữa là cách vẽ mặt dành cho các nhân vật nam như kếp, tướng, nịnh...các vai nữ thì không vẽ mặt mà chỉ trang điểm, ngoại trừ nhân vật Chung Vô Diệm- nhân vật nữ duy nhất vẽ mặt như kếp, còn nhân vật Đào Tam Xuân là nhân vật nữ tướng, xuất thân ở miền Thượng thì quy ước khuôn mặt được vẽ theo hai nửa xám-trắng (xám hồng-xanh nhạt) với ý nghĩa: nửa trắng nói lên cái đẹp nhân vật (nữ), nửa xám chỉ nơi xuất thân: miền Thượng...

Lông mày và râu cũng theo quy ước chung mang tính khái quát, tượng trưng và cũng theo quan niệm dân gian về Nhân tướng học như: Lông mày lưỡi mác: tướng mạo của anh hùng, lông mày nhọn, mũi dài: kẻ nham hiểm, lông mày có viền thêm nét đỏ: người nóng tính, lông mày hình chổi đốt, hình sâu róm, cá rô: kẻ nịnh thần, lông mày trái vẽ hình rồng, lông mày phải hình thái dương là tướng mạo của người lập quốc...



Trụ Vương



Hoàng Phi Hồ



Bạt Hồ



Ác Bá

Râu: có nhiều loại: Râu rồng : quý tướng hay Vua chúa, râu bạc : người già, trưởng lão, râu đen quăn: người dữ tợn, râu chuột, râu cáo, râu dê: kẻ tiện, quỷ quyệt, râu ba chòm là người đôn hậu....

Nghệ thuật Tuồng Huế thuộc loại hình tự sự phương Đông, trong đó vai trò của người diễn viên là quan trọng nhất, là trung tâm của vở diễn, người diễn viên kể chuyện bằng nghệ thuật diễn kịch, họ lấy động tác để minh họa cho hành động, theo quy ước: “Đường dài muôn dặm vòng ba bước, Ngựa chạy hai chân quất một roi”. Vai trò của người diễn viên tuồng là

ARTS

trung tâm của vở diễn, những tín hiệu của màu sắc và sắc thái biểu cảm trên khuôn mặt góp phần không nhỏ trong việc khắc họa tính cách. Màu sắc, đường nét trong nghệ thuật hóa trang vẽ mặt tạo được sự phong phú và thống nhất, mô tả sinh động tính cách nhân vật với những giá trị bộc lộ ra bên ngoài và biểu cảm nội tâm, cảm xúc thẩm mỹ.



Một mẫu mặt nạ tuồng Huế được trưng bày tại Festival Huế 2012

Nghệ nhân tuồng Huế đang vẽ mặt



Sắc thái biểu cảm trong vẽ mặt Tuồng Huế (Ảnh tư liệu của Trung tâm BTDT CĐ Huế)

3. Giá trị mỹ cảm của thẩm mỹ

Nghệ thuật tuồng là nghệ thuật biểu diễn, người diễn viên đã tạo nên một hình tượng nghệ thuật đầy cảm hứng và sự sáng tạo của vai diễn. Cuộc đời con người với biết bao sự kiện và biến động, bao cung bậc tình cảm nhưng được trình hiện trong vai diễn trong một thời gian ngắn ngủi, bởi vậy người diễn viên phải thổi hồn vào vai diễn, phải khoác cho nhân vật một tư tưởng, một tình cảm, một cuộc sống chân thực bằng những khám phá và tài năng diễn xuất của mình.

Là loại hình nghệ thuật sân khấu truyền thống, sinh ra và được nuôi dưỡng trong mạch nguồn văn hóa nghệ thuật dân tộc, tuồng truyền thống Huế là thành quả của quá trình lao động miệt mài đầy sáng tạo của các bậc tiền bối, các thế hệ nghệ nhân, những người làm tuồng, kết tinh các giá trị tinh hoa thẩm mỹ dân tộc, kết hợp hài hòa các loại hình nghệ thuật.

Nghệ thuật tuồng truyền thống Huế đã dựa vào những năng khiếu thẩm mỹ từ bao đời của dân tộc, lấy thực tiễn để kiểm tra hoạt động, đó là sức mạnh trí tuệ tập thể. Những người làm tuồng đã vận dụng mọi

cái đẹp trong thiên nhiên và cuộc sống để đưa vào tuồng: Vận dụng chế biến cái mềm mại của mây nước, cái uyển chuyển của rồng rắn, cái uy vũ của hổ báo, cái cứng cáp của tùng bách, cái thướt tha của đóa liễu.. Chính vì vậy mà sân khấu tuồng đầy sự khái quát nhưng rất chân thực, cả một không khí được gọi lên theo ước lệ thẩm mỹ dân tộc.



Tuồng: Vạn Bửu trình tuồng

Cách vẽ mặt trong Tuồng truyền thống Huế thể hiện cái nhìn tinh tế về tính cách, khái quát, tượng trưng, ước lệ mà nói lên được chiều sâu nội tâm, cùng với xiêm y, áo mũ, âm nhạc, văn học... qua thời gian và sáng tạo đã tạo nên những giá trị thẩm mỹ mang tính chuẩn mực.

Bên cạnh những giá trị mang tính bác học của các yếu tố như kịch bản văn học, lời thoại, ngôn ngữ động tác, âm nhạc ... nghiên cứu một cách cụ thể cách vẽ mặt tuồng truyền thống Huế cho chúng ta những bài học quý báu về quy pháp tạo hình: giàu chất tạo hình truyền thống- giàu chất design hiện đại, vừa mang tính ứng dụng.

Với gam màu truyền thống cơ bản đã tạo nên những sắc thái phong phú. Màu đỏ, xanh, vàng là những màu truyền thống trong nghệ thuật trang trí của Huế. Màu đỏ được sử dụng phổ biến rồi đến màu vàng và xanh. Các màu này được nghĩ tới sự biểu hiện cao quý theo quan niệm đương thời.

Màu đỏ trong nghệ thuật truyền thống Huế thường gắn với các yếu tố ẩn dụ, tượng trưng, gắn kết mối quan hệ hữu cơ giữa đời sống vật chất và tinh thần.

Màu xanh ở Huế như gắn với tầng cao và sự hòa hợp trong lòng thiên nhiên, cây cỏ. Màu vàng là màu của Vua, gắn với ánh sáng, sự thanh cao và thoát tục.

Đen và trắng như những tín hiệu, những sắc thái muôn màu muôn vẻ của đời sống giàu phong vị.

Bảng màu phong phú của cuộc sống ấy đã được vận dụng một cách sáng tạo trong nghệ thuật vẽ mặt Tuồng

ARTS

Huế. Sự cách điệu và khái quát cao về màu sắc, đường nét trong cách vẽ mặt của Tuồng Huế mang lại các giá trị cao về thẩm mỹ. Cái đơn giản và chất lọc ấy được rút ra từ đời sống văn hóa và tinh thần phong phú của nhân dân, từ những quan điểm thẩm mỹ lâu đời của dân tộc.

Sự kết hợp của những mảng màu và đường nét (đường thẳng, đường cong) như đi từ yếu tố trừu tượng đến cụ thể. Ngôn ngữ biểu đạt của đường nét và màu sắc trong nghệ thuật hóa trang vẽ mặt tuồng Huế ngoài các yếu tố giá trị nghệ thuật tạo hình thể hiện qua các tính chất, trạng thái: Tính đối lập: (Đồng điệu mềm- đồng điệu cứng), Chất phối hợp-cân xứng: (Động-Kỳ lạ), Phương pháp tổ hợp:-theo hình tượng: (Ký hiệu-Biểu tượng-Tổ hợp trang trí), còn mang nhiều yếu tố giá trị của sự biểu cảm thẩm mỹ về triết lý, ẩn dụ về cuộc sống.

Màu sắc trong vẽ mặt tuồng Huế như những ký hiệu theo quy ước cuộc sống vào trong hình thể, tạo nên sắc thái nhân vật. Màu sắc và đường nét gắn với lý trí và tình cảm để biểu hiện dưới góc độ thẩm mỹ trong nền văn hóa, tư duy phương Đông độc đáo.

Ngôn ngữ tạo hình trong nghệ thuật vẽ mặt Tuồng Huế có giá trị thẩm mỹ cao, phải chăng do ảnh hưởng của thiên nhiên, phong vị và tính cách của người Huế, qua thời gian và sự gọt giũa đã định hình: Màu sắc thiên nhiên xứ Huế thật hữu tình và riêng biệt. Đến Huế người ta cảm nhận được ngay cái “sắc màu Huế” ấy, nhẹ nhàng, kín đáo mà rất cụ thể, nó hiện hữu ở từng di tích, phong cảnh và cả trong cốt cách và tâm hồn người Huế.

Màu sắc của sông Hương, núi Ngự là một bức tranh đẹp về sự nhã nhặn, hài hòa và cân xứng uyển chuyển. Những sắc màu của thiên nhiên phân nào ảnh hưởng và tác động lên màu sắc do con người tạo ra trong cuộc sống hàng ngày, qua những sản phẩm, vật dụng sinh hoạt hàng ngày: từ những chiếc bánh phu thê, những ngọn đèn ngũ sắc, những tà áo...Màu sắc đó phản ánh vào nghệ thuật nói chung và nghệ thuật Tuồng Huế nói riêng, những hợp sắc của tạo hình phổ biến trong đời sống và những sắc màu do con người tạo ra lại trở lại tác động chính mình. Đó phải chăng những điều đó phản ánh lại vào trong những thuộc tính thẩm mỹ và tạo nên nét độc đáo trong nghệ thuật vẽ mặt Tuồng Huế.

Người Huế và nghệ thuật Huế rất tinh tế trong cảm nhận và sáng tác màu sắc, đặc biệt chú trọng đến nguyên lý “Ngũ hành sinh khắc”

Ví dụ cách đặt tên các địa danh ở Huế cũng dựa theo Kinh dịch: Phía nam: màu đỏ, phía bắc: màu đen, phía tây: màu trắng, phía đông: màu xanh, trung tâm:

màu vàng. Theo quan niệm này thì: cửa lớn trước lăng Minh Mạng hướng về phía nam: Đại hồng môn (đỏ), cầu phía bắc Kinh thành: Huyền yết kiều (đen), cầu bắc qua sông Kê vạn (đường lên Chùa Linh Mục) phía tây Kinh thành: Bạch Hồ (trắng), cầu bắc qua hào trước cửa Ngọ Môn: Kim Thủy Kiều (vàng: trung tâm)...

Trong quá trình tác động qua lại không ngừng giữa con người và những tác động của đời sống văn hóa, tinh thần phong phú, những người làm tuồng đã nắm được những quy luật của màu sắc, xây dựng những quy tắc, những công thức, nguyên lý để thể hiện, những bảng tích hợp về màu sắc...để vận dụng linh hoạt trong hóa trang vẽ mặt tuồng Huế.

Những quy ước, quan niệm, suy nghĩ, những tinh hoa trong đời sống văn hóa và tinh thần đặc sắc, những sắc thái và phong vị của một vùng đất giàu bản sắc truyền thống nghệ thuật đã đi cả vào cách hóa trang vẽ mặt tuồng, chính vì vậy mà những giá trị của nghệ thuật hóa trang vẽ mặt Tuồng Huế không những để lại những bài học quý báu về tạo hình mà còn mang giá trị lớn lao về tính nhân văn, tính triết lý cuộc sống, làm phong phú hơn cho đời sống thẩm mỹ của Huế, vùng đất vốn đã giàu bản sắc văn hóa.

Với sức sống tiềm tàng mạnh mẽ và sự quan tâm của xã hội, nghệ thuật Tuồng sẽ phát triển như vốn rực rỡ của nó, đặc biệt những giá trị về tư tưởng, nhân văn và mỹ cảm dân tộc được thể hiện độc đáo trong nghệ thuật hóa trang vẽ mặt Tuồng truyền thống Huế sẽ mãi là những di sản cao quý trong nền văn hóa nghệ thuật Huế.

CHÚ THÍCH

¹Đào Duy Từ (1572-1634) sinh ở làng Hoa Trai, huyện Ngọc Sơn, nay thuộc Tỉnh Gia- Thanh Hóa, cha là Đào Bá Hán làm quản giáp, quản đội nhạc nữ trong triều vua Lê Anh Tông. Ông là người học rộng biết nhiều nhưng xuất thân trong một gia đình ca hát nên không được thi, ông bỏ vào đàng Trong theo các chúa Nguyễn. Trước khi gặp chúa Nguyễn ông sống ở Bình Định và dạy dân vùng này hát bội, ông sáng tác nhiều tác phẩm bằng chữ nôm như: Ngọa long tương vãn, Tư dung vãn. Tương truyền ông là người khởi thảo vở tuồng Sơn Hậu.

²Đào Tấn: (1845-1907) sinh tại Bình Định, vợ và các con đều sinh ở Huế, ông sống và làm việc gần 20 năm ở Huế với các hoạt động đỉnh cao trong lĩnh vực tuồng, ông là tác giả của nhiều vở tuồng nổi tiếng như: Ngũ hổ bình tây, Dịch thanh ly tợn, Đàng khấu... Ông được coi là Hậu tổ ngành tuồng

³Ngày 7/11/2003- Nhã nhạc Cung đình Huế được Unesco công nhận là di sản văn hóa phi vật thể truyền khẩu nhân loại